# VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

## ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

| | |
|---|---|
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH TÂY NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 29 /2025/QĐ-UBND | *Tây Ninh, ngày 22 tháng 9 năm 2025* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Triển khai thực hiện Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 24/6/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh Tây Ninh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;*

*Căn cứ Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;*

*Căn cứ Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn khoản 1 và khoản 2 Điều 31 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;*

*Căn cứ Thông tư số 50/2024/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn khoản 1 và khoản 2 Điều*

*31 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;*

*Căn cứ Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 24/6/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Long An (trước sáp nhập) quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh Long An;*

*Thực hiện Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 07/8/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc áp dụng các nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 2408/TTr-SYT ngày 16 tháng 9 năm 2025.*

*Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định triển khai thực hiện Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 24/6/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.*

**Điều 1.** Triển khai thực hiện Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 24/6/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Long An (trước sáp nhập) quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả (sau đây viết là Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND) trên toàn địa bàn tỉnh Tây Ninh, cụ thể như sau:

1. Đối tượng áp dụng: Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chi trả chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

2. Mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh Tây Ninh: Thực hiện theo quy định của khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND.

3. Nguồn kinh phí thực hiện: Thực hiện theo quy định của khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND.

**Điều 2. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05/10/2025. Mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh Tây Ninh tại Quyết định này được áp dụng thực hiện kể từ ngày Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành.

2. Bãi bỏ Điều 6 Phương thức chi cho công tác quản lý tại Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khó khăn khác cần được trợ giúp khẩn cấp trên địa bàn tỉnh Long An ban hành kèm theo Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND ngày 04/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An đã được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 07/2025/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An (trước sáp nhập).

**Điều 3. Tổ chức thực hiện**

Giao Sở Y tế chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức triển khai, theo dõi, hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 4;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Y tế;
- Vụ Pháp chế - Bộ Y tế;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ngành tỉnh;
- CVP, các PCVP. UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Phòng VHXH;
- Lưu: VT, Cam.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**(Đã ký)**

**Phạm Tấn Hòa**